

HỌC LIỆU TUẦN 16 (NỘI DUNG TUẦN 17), NGŨ VĂN 7

Tiết 65 : LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN BIỂU CẢM (Thay cho tiết trả bài kiểm tra đánh giá cuối kì)

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Học sinh được củng cố về cách làm văn biểu cảm về con người, quê hương, thể hiện được tình cảm gắn bó với những người thân, quê hương.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng tạo lập văn bản, viết đoạn văn biểu cảm về con người, về quê hương.

3. Thái độ:

- Bồi dưỡng HS những tình cảm đẹp đẽ với người thân trong gia đình, với bạn bè thân thiết và quê hương mình.

4. Năng lực dạy học được hướng tới:

- **năng lực chung:** Tự học
- **năng lực chuyên biệt:** Giao tiếp tiếng Việt

B. KIẾN THỨC CƠ BẢN: LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN:

ĐỀ:

Câu 1: Viết một đoạn văn ngắn (từ 5 đến 7 dòng) nêu suy nghĩ của em về công lao, tình cảm của người thân và rút ra bài học cho mình.

Câu 2: Viết đoạn văn (từ 5 đến 7 dòng, trong đó có sử dụng từ láy, gạch chân dưới từ láy đó) phát biểu cảm nghĩ của em về quê hương của mình.

- Về hình thức, đoạn văn được tính từ đâu và kết thúc bằng dấu gì?
- Câu khác dòng ở chỗ nào?
- Về nội dung, câu 1 yêu cầu viết về đề tài gì? Những người thân đã nuôi nấng, dạy dỗ em nên người? Em nghĩ gì về công lao đó? Em phải làm gì để đáp lại công lao ấy?
- Ở câu 2, em có nhận xét gì về quê mình? Nói đến quê mình những hình ảnh nào về cảnh vật, về con người gọi lên trong tâm trí em? Em phải làm gì để bảo vệ, giữ gìn và xây dựng quê hương ?
(Hs trả lời theo câu hỏi gợi ý)

C. BÀI GHI CỦA HỌC SINH:

Tiết 65 : LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN BIỂU CẢM (Thay cho tiết trả bài kiểm tra đánh giá cuối kì)

Câu 1: Viết một đoạn văn ngắn (từ 5 đến 7 dòng) nêu suy nghĩ của em về công lao, tình cảm của người thân và rút ra bài học cho mình.

Câu 2: Viết đoạn văn (từ 5 đến 7 dòng, trong đó có sử dụng từ láy, gạch chân dưới từ láy đó) phát biểu cảm nghĩ của em về quê hương của mình.

- Gợi ý tham khảo:

Câu 1: Tình yêu quê hương là một tình yêu thường trực trong tâm hồn mỗi con người. Bởi quê hương là nơi ta sinh ra, lớn lên và có những kỉ niệm về

một tuổi thơ êm đềm. Quê hương gắn với những chiều ngả mình trên lưng trâu, lìm dim đôi mắt nhìn bầu trời xanh và lắng nghe tiếng sáo diều. Quê hương gắn với những cánh cò, những rặng tre rì rào, những cánh đồng lúa chín thơm vàng ửng. Quê hương gắn với giọt mồ hôi của mẹ, của cha, gắn với tiếng đưa võng kêu gọi cùng lời ru của bà,... Nhắc đến quê hương thôi là mở ra cả một bầu trời thương nhớ. Những kỉ niệm của tuổi thơ bên những người thân thương sao mà êm đềm đến thế!

Câu 2:

- Tình yêu thương của cha mẹ dành cho con là vô bờ bến.
- Quan tâm, chăm sóc giúp đỡ cha mẹ từ những việc nhỏ nhất.
- Phận làm con phải kính yêu, biết ơn, hiếu thảo với cha mẹ.
- Làm tròn bổn phận của một người con.

D. LUYỆN TẬP :

(HS hoàn thành bài tập 2)

Chủ đề 19: TẬP LÀM THƠ TIẾT 66: LÀM THƠ LỤC BÁT

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Sơ giản về vần, nhịp, luật bằng, trắc của thơ lục bát.

2. Kỹ năng:

- Nhận diện, phân tích, tập làm thơ lục bát.

3. Thái độ:

- Trân trọng, giữ gìn, yêu mến thể thơ truyền thống của dân tộc

B. KIẾN THỨC CƠ BẢN:

- HS đọc bài ca dao.
- Bài ca dao trên được làm theo thể thơ gì?
- Nhận diện số tiếng, số câu thơ ?
- Vì sao gọi là lục bát?
- > . Số câu, số tiếng:
 - Số tiếng:
 - + câu trên 6 tiếng -> câu lục
 - + câu dưới 8 tiếng -> câu bát
 - > cặp câu
 - Số câu: không hạn định
- GV giới thiệu cấu tạo của một âm tiết:

Thanh điệu	
Phụ âm đầu	Vần

- + Thanh bằng (B) gồm: thanh huyền và thanh ngang
- + Thanh trắc (T) gồm: thanh sắc, nặng, hỏi, ngã

- Nhìn bảng mô hình luật bằng trắc còn trông.

- Gọi HS điền thông tin

Anh đi anh nhớ quê nhà

B B B T B B

Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương.

T B B T T B B B

Nhớ ai dãi nắng dầm sương

T B T T B B

Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.

T B T T B B B B

- Đọc lại bài ca dao và cho HS xác định vần, nhịp trong bài rồi rút ra kết luận

- Từ sự phân tích, tìm hiểu trên, em hãy giới thiệu luật thơ lục bát?

-> Các tiếng 1,3,5,7 không bắt buộc theo luật. Tiếng thứ 2,6,8 là thanh bằng, tiếng thứ 4 thường là thanh trắc.

- Vần: tiếng thứ sáu câu lục và câu bát vần với nhau: vần bằng.

- Nhịp: 2/2/2; 4/4; 2/2/2; 2/2/2/2 -> nhịp chẵn

(Đọc ghi nhớ SGK/ trang 156)

C. BÀI GHI CỦA HỌC SINH:

I. Luật thơ lục bát

1. Ví dụ:

2. Nhận xét:

a. Số câu, số tiếng:

- Số tiếng:

+ câu trên 6 tiếng -> câu lục

+ câu dưới 8 tiếng -> câu bát

-> cặp câu

- Số câu: không hạn định

b. Luật bằng trắc:

Anh đi anh nhớ quê nhà

B B B T B B

Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương.

T B B T T B B B

Nhớ ai dãi nắng dầm sương

T B T T B B

Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.

T B T T B B B B

-> Các tiếng 1,3,5,7 không bắt buộc theo luật. Tiếng thứ 2,6,8 là thanh bằng, tiếng thứ 4 thường là thanh trắc.

c. Vần: tiếng thứ sáu câu lục và câu bát vần với nhau: vần bằng.

d. Nhịp: 2/2/2; 4/4; 2/2/2; 2/2/2/2 -> nhịp chẵn

***Bài học:**

- Lục bát là thể thơ độc đáo của văn học Việt Nam.
- Mô hình luật thơ: (Xem SGK trang 156)

D. LUYỆN TẬP:

(HS hoàn thành bài tập 1,2,3,4 / 157 vào vở)